

Bản án số: 02 /2025/HNGĐ-ST  
Ngày 09 – 01- 2025

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh Đ

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Chinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Toàn, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Hữu Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc " ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn N, quận A, thành phố Hải Phòng (vắng mặt);

**- Bị đơn:** Anh Tống Xuân Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2024, tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị và anh Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 21/3/2001. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chung sống không hòa hợp. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị xin được ly hôn anh Đ.

*Về con chung:* Chị và anh Đ có 02 con chung là Tống Xuân Đ1, sinh ngày 29/6/2002 và Tống Thị Ái L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2005. Hiện nay

02 con chung đã đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án xem xét việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

*Về tài sản, công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng anh Tống Xuân Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Tống Xuân Đ.

+ Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh Đ.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Tạ Thị H và anh Tống Xuân Đ kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào tháng 3/2001 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống chung không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị H và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị H và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh Đ có 02 con chung là Tống Xuân Đ1, sinh ngày 29/6/2002 và Tống Thị Ái L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2005 các con chung đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

[4] *Về tài sản, công nợ chung:* Chị H và anh Đ không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Tống Xuân Đ.

2. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005224 ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị H và anh Tống Xuân Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Nam Hải;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thịnh**